

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HS-ST
Ngày 28 - 11 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Nc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vì Thị Long Biên, bà Nguyễn Thị Yên - nguyên giáo viên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 40/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Tiến T (tên gọi khác: Không), sinh ngày: 09/10/1991 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh S (Đã chết) và bà Trần Thị T; vợ Đinh Thị Linh G (Đã ly hôn), có 02 con; tiền sự: Không.

Có 01 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 172/2022/HSST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Tiến T 03 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Sau khi xét xử Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La kháng nghị. Tại bản án hình sự phúc thẩm số 07/2023/HSPT ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 172/2022/HSST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La; xử phạt Lê Tiến T 04 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Ngày 08/4/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La ban hành quyết định tha tù trước thời hạn số 01/2024/HSST-QĐ đối với Lê Tiến T, thời gian thử thách 10 tháng 05 ngày. Đang trong thời gian chấp hành thời gian thử thách (Chưa được xóa án tích)

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2024 đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1/ Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1984, địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955, địa chỉ: Tiểu khu X3, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3/ Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1954, địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Cháu Long Thị Thanh L, sinh ngày 23/4/2013, địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Long Thị Thanh L có ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1980 (Bác ruột), địa chỉ: Tiểu khu Y, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người bào chữa cho bị hại Long Thị Thanh L: Ông Lò Văn Diệt, Luật sư - thực hiện trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Xuân L1, sinh năm 1992, nơi cư trú: Bản Tự Nhiên, xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Tiến T không có nghề nghiệp ổn định, đang thuộc diện quản lý tha tù trước thời hạn có điều kiện. Khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 22/9/2024 do cần tiền chi tiêu cá nhân, T chuẩn bị 01 con dao nhọn cùng các vật dụng cá nhân, mượn xe mô tô biển kiểm soát 26G1-152.61 của bạn là Nguyễn Xuân L1 đi tìm nhà có sơ hở trong quản lý tài sản để chiếm đoạt. Khi T đi đến tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu thấy một ngôi nhà ba tầng cạnh nhà văn hóa tiểu khu 3 của Nguyễn Thị Bích L. T điều khiển xe mô tô đi qua nhà L một đoạn rồi dừng xe ở ven đường, đội mũ và đeo khẩu trang, cầm theo con dao đi bộ đến cổng nhà của L. Do cổng khóa, T trèo qua bờ tường rào vào trong khuôn viên ngôi nhà. T đến vị trí cửa tầng 1 thấy cửa khóa nên trèo lên 01 cây nhãn cạnh nhà để bước lên mái tôn đi đến ban công tầng 2, T kiểm tra cửa ra vào tại ban công tầng 2 thấy cửa không khóa nên cởi giày, mở cửa đi vào nhà. T dùng điện thoại di động bật đèn để đi xuống tầng 1 lục lọi tài sản nhưng không tìm được đồ vật có giá trị. Sau đó, T đi lên tầng 2, mở cửa các phòng ngủ nhưng các cánh cửa đều đã khóa. T đi theo ban công tầng 2 đến phòng ngủ của chị L thấy cửa phòng hướng ra ban công không khóa nên mở cửa đi vào. Khi T vào phòng thì mẹ đẻ của chị L là bà Nguyễn Thị D phát hiện do đang nằm ngủ ở dưới sàn. T lấy điện thoại bật đèn để soi, đồng thời bật công tắc điện phòng ngủ. Lúc này trong căn phòng có chị L, bà D, 02 cháu nhỏ là Long Thị Thanh L, sinh

năm: 2013 (là con của L) và Nguyễn Thị Hoa Q, sinh năm 2019 (là cháu của L). T hô: “Cướp đây” và rút con dao trong túi quần ra để đe dọa mọi người trong phòng. T yêu cầu bà D bế cháu Q lên giường, nói “Tao chỉ cần tiền”. L thấy T đe dọa đã lấy trong ví ra số tiền 8.000.000 đồng gồm các tờ mệnh giá 500.000 đồng đưa cho T, T cầm tiền cất trong túi quần rồi yêu cầu L tìm dây tự trói và trói mọi người ngồi trên giường. T yêu cầu chị L tháo 02 sợi dây chuyền vàng đang đeo và 01 sợi dây chuyền vàng bà D đang đeo đưa cho T. T lục lọi ngăn kéo trong tủ phòng chị L thấy 03 sợi dây dù nên đưa cho chị L để yêu cầu chị L trói mọi người lại. T tìm trong ngăn tủ lấy 03 bộ khuyên tai vàng, T không kiểm đếm tài sản lấy được mà nhanh chóng cất tài sản vào trong túi quần. T cầm dao bảo chị L đi xuống tầng 1 để mở kết sắt. Quá trình đưa chị L xuống tầng 1, L không mở được kết sắt do đây là kết của mẹ chồng chị L. T yêu cầu mẹ chồng của L đang ngủ ở tầng 1 là bà Trịnh Thị N dậy mở kết nhưng bà N không có chìa khóa để mở.

Trong quá trình không chế chị L tại tầng 1, bà D ở tầng 2 lấy điện thoại báo tin cho con đẻ là Nguyễn Thành Trung, Trung đã cùng người nhà đi đến nhà của chị L, thấy T đang khống chế chị L và bà N tại tầng 1. Khi T nhìn ra cửa thấy người nhà của chị L đến, T bỏ chạy lên tầng 2 sau đó được Trung gọi xuống tầng 1 để giải quyết. T đi xuống thấy đông người nên đã nói chuyện thỏa thuận, đặt con dao xuống nền nhà, bị người nhà của chị L khống chế, phát hiện danh tính sau khi cởi bỏ chiếc khẩu trang. T xin mọi người tha thứ và lấy trong túi quần ra 02 sợi dây chuyền vàng đeo cổ cùng số tiền 8.000.000 đồng. Sau đó T đi bộ đến vị trí để chiếc xe mô tô, cởi chiếc áo đang mặc vứt xuống suối rồi đi về nhà. Quá trình đi về nhà, T làm rơi số trang sức còn lại đã chiếm đoạt gồm 01 lắc tay màu vàng, 03 bộ khuyên tai màu vàng.

Ngày 22/9/2024 chị Nguyễn Thị Bích L trình báo sự việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, giao nộp 16 tờ tiền VNĐ mệnh giá 500.000 đồng, 04 sợi dây vải, căn cước công dân, 01 chiếc khăn màu xanh đen, 01 chiếc ví màu nâu, 02 dây kim loại màu vàng, 01 đôi giày màu xanh trắng bám dính đất, 01 chiếc khẩu trang màu xám, 01 con dao nhọn dài 28cm.

Ngày 22/9/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu ra L1nh giữ người và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Tiến T, quá trình bắt giữ không thu giữ đồ vật, tài liệu gì. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lê Tiến T. Thu giữ: 01 chiếc quần dài màu xanh, 01 chiếc áo vải ngắn tay màu xanh đen, 01 chiếc khẩu trang màu xám, 01 chiếc mũ màu xanh đen, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen biển kiểm soát: 26G1-152.61.

Ngày 22/9/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định nơi xảy ra vụ án tại nhà số 39 thuộc tiểu khu 3, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Quá trình khám nghiệm hiện trường không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Ngày 25/9/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định đối với 16 tờ tiền VNĐ

mệnh giá 500.000 đồng do Nguyễn Thị Bích L giao nộp. Tại Kết luận giám định số 1901 ngày 02/10/2024 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: “Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật”.

Ngày 24/10/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mộc Châu định giá đối với 01 dây kim loại màu vàng khối lượng 6,032 gam, 01 dây kim loại màu vàng trắng khối lượng 5,716 gam, 01 dây kim loại vàng tây 01 chỉ, 03 đôi bông tai vàng tây 0,5 chỉ. Tại Kết luận định giá số 28 ngày 28/10/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mộc Châu kết luận:

- 01 dây kim loại màu vàng dài 48cm có khối lượng 6,032 gam, có hàm lượng Vàng: 44,14%, hàm lượng Bạc: 7,08%, hàm lượng Đồng: 41,23%, hàm lượng Kẽm: 7,55%; trị giá 5.300.000 đồng.

- 01 dây kim loại màu vàng trắng dài 48cm có khối lượng 5,716 gam, có hàm lượng Vàng: 75,86%, hàm lượng Bạc: 11,27%, hàm lượng Đồng: 12,87%”, trị giá 8.100.000 đồng.

- 01 dây kim loại làm bằng vàng 18K (vàng tây) có khối lượng 01 chỉ, trị giá 7.600.000 đồng.

- 03 (ba) đôi bông tai làm bằng vàng 10K (vàng tây), có tổng khối lượng 1,5 chỉ, giá trị 5.700.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 27.100.000đ (Hai mươi bảy triệu, một trăm nghìn đồng).

Bản cáo trạng số 202/CT-VKS ngày 09 tháng 11 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La truy tố: Lê Tiến T về tội: Cướp tài sản, theo điểm d, e, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử. Tuyên bố bị cáo Lê Tiến T phạm tội: Cướp tài sản và áp dụng căn cứ pháp luật như sau:

- Áp dụng điểm d, e, h khoản 2 Điều 168; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tiến T từ 08 năm đến 09 năm tù. Tổng hợp 10 tháng 05 ngày của bản án trước chưa chấp hành. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Về bồi thường trách nhiệm dân sự: Chấp nhận bị hại và đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo Lê Tiến T bồi thường trách nhiệm dân sự.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 sợi dây vải màu kem dài 93cm; 02 sợi dây vải (01 dây vải màu nâu, 01 dây vải màu kem); 01 sợi dây vải màu vàng dài 131cm; 01 chiếc khăn màu xanh đen, có hoa văn màu da cam dài 132cm; 01 đôi giày màu xanh, trắng; 02 chiếc khẩu trang màu xám; 01 con dao nhọn một mặt sắc dài 28cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 16cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12cm; 01 chiếc quần

dài màu xanh đen, loại vải bò; 01 chiếc áo vải ngắn tay cổ tròn màu xanh, đen; 01 mũ lưỡi trai màu xanh, đen.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích L: 01 chiếc ví màu nâu kích thước 11,5cm x 20cm.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo Lê Tiến T được niêm phong trong phong bì.

Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích L số tiền 8.000.000 đồng và 02 dây chuyền vàng; trả cho anh Nguyễn Xuân L1 01 xe máy nhãn hiệu Wave biển kiểm soát: 26G1-152.61.

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án, bị cáo, người L quan nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát.

Người bào chữa cho bị hại Long Thị Thanh L có ý kiến: Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố bị cáo về tội Cướp tài sản, theo điểm d, e, h khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan sai. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d, e, h khoản 2 Điều 168; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Tiến T từ 08 năm đến 09 năm tù và tổng hợp với 10 tháng 05 ngày của bản án trước bị cáo chưa chấp hành. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo có lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ mức hình phạt và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng:* Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người bị hại, đại diện bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 292; khoản 3 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] *Về tội danh:* Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại cùng các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định: Ngày 22/9/2024 Lê Tiến T đột nhập vào nhà của chị Nguyễn Thị Bích L, dùng dao nhọn dài 28cm không chế, đe dọa Nguyễn Thị Bích L, Nguyễn Thị D, Trịnh Thị

N và cháu Long Thị Thanh L để chiếm đoạt số tiền 8.000.000 đồng cùng tài sản khác tổng trị giá 27.100.000 đồng, sau đó bị người nhà phát hiện, khống chế. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội Cướp tài sản, theo Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Về khung hình phạt áp dụng: Bị cáo sử dụng dao nhọn dài 28cm là phương tiện nguy hiểm khống chế những người bị hại để chiếm đoạt tài sản gồm: số tiền 8.000.000 đồng cùng 02 sợi dây chuyền vàng của chị Nguyễn Thị Bích L trị giá 13.800.000 đồng, chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị D 01 dây chuyền vàng trị giá 7.600.000 đồng và chiếm đoạt của cháu Long Thị Thanh L, sinh ngày 23/4/2013 (là người dưới 16 tuổi) 03 bộ khuyên tai vàng trị giá 5.700.000 đồng. Tổng giá trị bị cáo chiếm đoạt là 35.100.000 đồng; bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích, xác định lần phạm tội này là tình tiết định khung hình phạt. Hành vi của bị cáo đã vi phạm các tình tiết định khung quy định tại điểm d “*Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác*”, điểm e “*Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ*” và điểm h “*Tái phạm nguy hiểm*” quy định tại khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

[3] Đánh giá về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích lần phạm tội này là tình tiết định khung nên không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng danh hiệu chiến sĩ vẻ vang, gia đình bị cáo là người có công với cách mạng, người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, phù hợp với quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự. Bị cáo được tha tù trước thời hạn theo Quyết định số 01/2024/HSST-QĐ ngày 08/4/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, trong thời gian thử thách bị cáo tiếp tục phạm tội, cần buộc bị cáo chấp hành phần hình phạt tù chưa chấp hành của bản án trước là 10 tháng 05 ngày là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và xét hỏi công khai tại phiên tòa thấy rằng bị cáo là không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Đối với: 01 sợi dây vải màu kem, đầu dây buộc vải màu đỏ dài 93cm; 02 sợi dây vải (01 dây vải màu nâu, 01 dây vải màu kem được đan một phần vào nhau dài 128cm); 01 sợi dây vải màu vàng dài 131cm; 01 chiếc khăn màu xanh đen, có hoa văn màu da cam dài 132cm; 01 đôi giày màu xanh, trắng có dính đất màu nâu; 02 chiếc khẩu trang màu xám, dây đeo màu trắng; 01 con dao nhọn một mặt sắc dài 28cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 16cm, cán dao là bằng nhựa màu đen dài 12cm, tại khu vực gần mặt sắc của lưỡi dao có 07 lỗ tròn; 01 chiếc quần dài màu xanh đen, loại vải bò; 01 chiếc áo vải ngắn tay cổ tròn màu xanh, đen; 01 mũ lưỡi trai màu xanh, đen. Xét đây là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội, cùng vật không có giá trị sử dụng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 ví màu nâu trên ví có gắn chữ “kat” bằng kim loại màu vàng, là tài sản của chị Nguyễn Thị Bích L giao nộp để phục vụ điều tra, không L quan đến hành vi phạm tội, chị đề nghị được nhận lại, do đó cần tuyên trả lại cho chủ sở hữu.

Đối với số tiền 8.000.000 đồng; 02 dây chuyền vàng do chị Nguyễn Thị Bích L giao nộp để phục vụ điều tra, đây là tài sản do bị cáo T chiếm đoạt, Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Bích L quản lý, sử dụng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, cần chấp nhận, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 xe máy nhãn hiệu biển kiểm soát 26G1-152.61 thu giữ của bị cáo, có căn cứ xác định chiếc xe máy là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Xuân L1, việc thực hiện hành vi cướp tài sản của Lê Tiến T, L1 không biết và không L quan. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trao trả chiếc xe cho Nguyễn Xuân L1 quản lý, sử dụng là có căn cứ cần chấp nhận, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động thu giữ của bị cáo, có căn cứ xác định, bị cáo sử dụng làm công cụ phạm tội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với 01 dây đeo tay vàng và 03 đôi bông tai vàng Lê Tiến T chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị D, cháu Long Thị Thanh L, T đã làm rơi trong quá trình đi về nhà, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Chị Nguyễn Thị Bích L đã nhận lại tài sản gồm: số tiền 8.000.000 đồng cùng 02 dây chuyền vàng, chị L không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Đối với 01 dây kim loại làm bằng vàng 18K (vàng tây) của bà Nguyễn Thị D trị giá 7.600.000 đồng và 03 (ba) đôi bông tai làm bằng vàng 10K (vàng tây) của cháu Long Thị Thanh L trị giá 5.700.000 đồng, do bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được. Bà D, cháu L cùng người đại diện hợp pháp cho cháu L không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Xét thoả thuận trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và đúng theo quy định của pháp luật, cần ghi nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Thời hạn tạm giam của bị cáo còn dưới 45 ngày, do đó Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm giam 45 ngày để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d, e, h khoản 2 Điều 168, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Lê Tiến T phạm tội Cướp tài sản. Xử phạt bị cáo Lê Tiến T 08 (Tám) năm, 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 10 tháng 05 ngày của bản án bản án hình sự phúc thẩm số 07/2024/HSPT ngày 17/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La, buộc bị cáo phải chấp hành chung của 02 bản án là 09 (Chín) năm, 04 (Bốn) tháng, 05 (Năm) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/9/2024.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1; điểm a, c khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 sợi dây vải màu kem dài 93cm; 02 sợi dây vải (01 dây vải màu nâu, 01 dây vải màu kem); 01 sợi dây vải màu vàng dài 131cm; 01 chiếc khăn màu xanh đen, có hoa văn màu da cam dài 132cm; 01 đôi giày màu xanh, trắng; 02 chiếc khẩu trang màu xám; 01 con dao nhọn một mặt sắc dài 28cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 16cm, cán dao bằng nhựa màu đen dài 12cm; 01 chiếc quần dài màu xanh đen, loại vải bò; 01 chiếc áo vải ngắn tay cổ tròn màu xanh, đen; 01 mũ lưỡi trai màu xanh, đen.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE Xs Max được niêm phong trong phong bì của bị cáo Lê Tiến T.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị Bích L: 01 ví màu nâu kích thước 11,5cm x 20cm, trên ví có gắn chữ “kat” bằng kim loại màu vàng.

(Vật chứng được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/11/2024 của Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu và Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu).

Chấp nhận Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trả số tiền 8.000.000 đồng và 02 dây chuyền vàng cho chị Nguyễn Thị Bích L; trả 01 xe máy nhãn hiệu Wave biển kiểm soát: 26G1-152.61 cho anh Nguyễn Xuân L1.

3. Về trách nhiệm bồi thường Dân sự: Căn cứ Điều 584; Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự: Ghi nhận người bị hại và đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo Lê Tiến T bồi thường trách nhiệm dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Bị cáo, BH, ĐDBH, NLQ;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đào Nc Hà